

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

Bản án số: 53/2026/HS-ST
Ngày 07 - 7 - 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Dương Công Hiếu;

Ông Lý Quang Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Triệu Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2026/TLST-HS, ngày 03 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Lường Thị T, sinh ngày 30 tháng 9 năm 1983 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020183002230; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn M và bà Trần T; có chồng là Hoàng Văn B (đã chết) và 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 08/02/2026 sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

2. Lèo Văn T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1988 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020088002304; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lèo Văn M và bà Nông Thị S; có vợ là Hoàng Thị B và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 06/02/2026 sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

3. Lương Văn M, sinh ngày 11 tháng 4 năm 1988 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020088002259; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn N và bà Đinh Thị T (đã chết); có vợ là Trần Thị N và 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 07/02/2026 sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

4. Đinh Văn H, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2002 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020202000868; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn C (đã chết) và bà Trịnh Thị S; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 07/02/2026 sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

5. Đinh Văn T, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1987 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020087002300; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị Đ; có vợ là Hà Thị M và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 07/02/2026 sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

6. Vi Văn T, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2003 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020203002510; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn T (đã chết) và bà Lịch Thị D; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bị xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội Chứa mại dâm tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 114/2021/HSST ngày 20/7/2021 của Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh (đã được xoá án tích), ngày 02/01/2019 bị Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt cảnh cáo về hành vi Vận chuyển pháo nổ (đã được xoá vi phạm); bị tạm giữ từ ngày 07/02/2026 sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

7. Lý Văn L, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2000 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020200000908; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn I (đã chết) và bà Đinh Thị L; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày

07/02/2026 sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

8. Nông Văn C, sinh ngày 13 tháng 7 năm 1989 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020089002239; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T (đã chết) và bà Lý Thị C; có vợ là Đinh Thị T và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 07/02/2026 sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lèo Văn T:*

+ Ông Bế Quang H và ông Quan Hữu T– Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Quang Hưng, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

+ Ông Vũ Văn Đ – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn T:*

+ Ông Bế Quang H và ông Quan Hữu T– Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Quang Hưng, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

+ Ông Vũ Văn Đ – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn L:* Ông Vũ Văn Đ – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn M:* Ông Bế Quang H và ông Quan Hữu T– Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Quang Hưng, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1987, cư trú tại: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

+ Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1988, có mặt.

+ Chị Trần Thị N, sinh năm 1991, có mặt.

+ Bà Lịch Thị D, sinh năm 1977, có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn;

- *Người chứng kiến:* Anh Trịnh Văn T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lương Thị T có quen biết với một người đàn ông Trung Quốc (không rõ lai lịch cụ thể). Khoảng tháng 01/2026, người đàn ông Trung Quốc liên hệ qua số điện thoại, thuê bị cáo Lương Thị T vận chuyển hàng hóa là xúc xích đông lạnh không có giấy tờ xuất nhập khẩu, chứng minh nguồn gốc xuất xứ, từ hàng rào biên giới gần khu vực mốc 1220 thuộc địa phận thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn vào trong nội địa Việt Nam với tiền công là 100.000đ/thùng, địa điểm nhận hàng sẽ cung cấp sau. Bị cáo Lương Thị T đồng ý rồi gặp bị cáo Lèo Văn T trao đổi thông nhất bị cáo Lèo Văn T là người liên lạc tìm người cùng vận chuyển, vác hàng hóa về khu nhà hoang thuộc Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn, còn bị cáo Lương Thị T sẽ canh giới, thông báo khi có lực lượng chức năng đi kiểm tra trong quá trình vận chuyển và liên lạc với phía Trung Quốc đến lấy hàng. Mỗi lần nhận vận chuyển hàng hóa, bị cáo Lèo Văn T lập 01 (một) nhóm Zalo với những người vận chuyển cùng bị cáo Lèo Văn T để trao đổi, sau khi vận chuyển xong số hàng của ngày hôm đó thì bị cáo Lèo Văn T xóa tin nhắn, giải tán nhóm.

Với phương thức như trên, khoảng 09 giờ ngày 06/02/2026, sau khi được bị cáo Lương Thị T thông báo cần tìm người vận chuyển xúc xích, bị cáo Lèo Văn T liên lạc với các bị cáo Đình Văn T, Nông Văn C, Lương Văn M, Lý Văn L, Vi Văn T, Đình Văn H qua Zalo, sau đó một mình bị cáo Lèo Văn T đi lên khu vực hàng rào biên giới gần mốc 1220 để kiểm tra, khi không thấy có lực lượng chức năng bị cáo Lèo Văn T liên lạc với một người đàn ông Trung Quốc có tài khoản Wechat “Y” (là người trước đó đã vận chuyển hàng qua hàng rào biên giới cho bị cáo Lèo Văn T) bảo người này chở xúc xích lên hàng rào biên giới để giao, rồi nhắn tin lên nhóm Zalo thông báo đã có hàng xúc xích về đến mốc 1220, và cần 03 (ba) người điều khiển xe mô tô để vận chuyển hàng về phía sau nhà của bị cáo Lèo Văn T, những người còn lại sẽ chờ để vận chuyển hàng vào trong nhà cất giấu, còn bị cáo Lương Thị T sẽ ở bãi xe Thăng Long thuộc Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn để thông báo nếu có lực lượng chức năng đi kiểm tra.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, các bị cáo Đình Văn T, Lương Văn M cùng Thúc mỗi người đi 01 (một) xe mô tô đến sát hàng rào biên giới khu vực mốc 1220 thì thấy có 01 (một) người Trung Quốc chở hàng đến, chuyển hàng qua hàng rào biên giới vào lãnh thổ Việt Nam cho các bị cáo Đình Văn T, Lương Văn M và Vi Văn T.

Cả 03 (ba) bị cáo nhận hàng rồi xếp lên xe mô tô của mình chở về khu vực bụi tre sau nhà của bị cáo Lèo Văn T. Tại đây bị cáo Lèo Văn T, Đình Văn T, Nông Văn C, Lương Văn M, Lý Văn L, Vi Văn T, Đình Văn H cùng vận chuyển toàn bộ số hàng vào trong nhà của bị cáo Lèo Văn T cất giấu, sau đó cả nhóm đi về, mục đích chờ đến tối khi không có lực lượng chức năng sẽ tiếp tục vận chuyển, tập kết hàng đến nhà hoang thuộc Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn.

Khoảng 17 giờ ngày 06/02/2026, tổ công tác Đoàn Biên phòng cửa khẩu Chi Ma chủ trì phối hợp với phòng nghiệp vụ Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn và các đơn vị liên quan tiến hành tuần tra kiểm soát trên địa bàn xã M, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bị cáo Lèo Văn T đang cất giấu trong phòng khách nhà của bị cáo Lèo Văn T nhiều bao tải hàng hóa nghi vấn là hàng hóa không rõ nguồn gốc. Bị cáo

Lèo Văn T khai nhận toàn bộ số hàng hóa trên là xúc xích không có giấy tờ hợp pháp do bị cáo Lèo Văn T cùng các bị cáo Đinh Văn T, Nông Văn C, Lương Văn M, Lý Văn L, Vi Văn T, Đinh Văn H và Lương Thị T vận chuyển từ khu vực Mốc 1220 thuộc Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn về nhà.

Vật chứng thu giữ gồm: (1) 77 (bảy mươi bảy) bao tải, mỗi bao bên trong có 01 (một) thùng xúc xích, mỗi thùng có 20 (hai mươi) gói xúc xích dạng đông lạnh in chữ Trung Quốc trên bao bì, mỗi gói có khối lượng tịnh 700g (bảy trăm gam)/gói, có tổng khối lượng 1.078kg (một nghìn không trăm bảy mươi tám kilogam). (2) 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; số khung: C6KOGY280725, số hiệu máy: 5C6K280724 (xe không lắp biển số) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI Note 12, màu nâu, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI: 8619900693699528/00, số IMEI2: 861990069369536/00; bên trong có lắp 02 sim Viettel mang số thuê bao: 0961.308.545 và 0345.992.957 thu giữ của Lương Văn M. (3) 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; số khung: C630BY490130; số hiệu máy: 5C63490181 (xe không lắp biển số) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro, màu ghi, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 353829104327841, số IMEI2: 353829104298984, bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0372.426.090 thu giữ của Đinh Văn T. (4) 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA; số khung: RLHJA3939RY688935; số máy: JA70E0611622 (xe không lắp biển số) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 15 Plus, màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 358675847992267, số IMEI2: 358675849072985; bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0358.765.837 thu giữ của Vi Văn T. (5) 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy SỐ 12004473 do Công an huyện L cấp ngày 07/11/2024. (6) 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 000612, do Công an huyện L cấp ngày 29/6/2011. (7) 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 027560, do Công an huyện T cấp ngày 09/5/2016. (8) 01 (một) biển số 12S1- 9280. (9) 01 (một) biển số 20B1- 803.57. (10) 01 (một) biển số 12LA- 083.14. (11) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A74, màu đen, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 866686055124456, số IMEI2: 866686055124449; bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0983.714.697 thu giữ của Leo Văn T. (12) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, màu xám, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 353465102539846/01, số IMEI2 353466102539844/01; bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0367.197.185 thu giữ của Lương Thị T. (13) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y04, màu phấn hồng, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 861817076041727; số IMEI2: 861817076041735; bên trong lắp 02 sim viettel mang số thuê bao 0358.106.543 và 0379.709.609 thu giữ của Nông Văn C. (14) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max, màu xám, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI: 35987197656803, số IMEI2: | 359871976657123; bên trong lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0986.688.340 thu giữ của Đinh Văn H. (15) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max, màu xanh, ghi, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI: 354876500720789, số

IMEI2: 354876500527895, bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0342.879.882 thu giữ của Lý Văn L.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 08/02/2026 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong Tố tụng hình sự - Ủy, nhân dân xã M, tỉnh Lạng Sơn xác định: 1.540 túi xúc xích thành phẩm, hàng mới, đã đóng gói đồng nhất 700g/gói có giá trị 102.625.600 đồng (một trăm linh hai triệu sáu trăm hai mươi năm nghìn sáu trăm đồng).

Bản Cáo trạng số: 17/CT-VKSKV5, ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lương Thị T, Lèo Văn T, Lương Văn M, Đinh Văn H, Đinh Văn T, Vi Văn T, Lý Văn L và Nông Văn C về tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lương Thị T, Lèo Văn T, Lương Văn M, Đinh Văn H, Đinh Văn T, Vi Văn T, Lý Văn L và Nông Văn C thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng đã truy tố.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Lịch Thị D là mẹ của bị cáo Vi Văn T, chiếc xe mô tô mà bị cáo Vi Văn T sử dụng để vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới là tài sản của bà, bà không biết việc phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe mô tô cho bà. Chị Trần Thị N là vợ của bị cáo Lương Văn M, chị Hà Thị Mơ là vợ của bị cáo Đinh Văn T, chị Hoàng Thị B là vợ của bị cáo Lèo Văn T. Các chị Trần Thị N, Hà Thị Mơ không biết việc các bị cáo Lương Văn M, Đinh Văn T sử dụng xe mô tô là tài sản chung vợ chồng để phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe mô tô cho gia đình. Chị Hoàng Thị B là vợ của bị cáo Lèo Văn T, chị không biết về những kiện xúc xích để tại nhà của vợ chồng chị là hàng hoá bị vận chuyển trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam.

Tại những lời khai trong hồ sơ, người chứng kiến anh Trịnh Văn T trình bày anh chứng kiến sự việc lực lượng chức năng khám xét và thu giữ tại nhà của bị cáo Lèo Văn T nhiều kiện hàng hoá là xúc xích không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lương Thị T, Lèo Văn T, Lương Văn M, Đinh Văn H, Đinh Văn T, Vi Văn T, Lý Văn L và Nông Văn C phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lương Thị T và bị cáo Lèo Văn T mỗi bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng tù; xử phạt các bị cáo Lương Văn M, Đinh Văn H, Đinh Văn T, Vi Văn T, Lý Văn L và Nông Văn C mỗi bị cáo mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị:

- Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: (1) 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; số khung: C6KOGY280725, số hiệu máy: 5C6K280724 (xe không lắp biển số) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI Note 12, màu nâu, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI: 8619900693699528/00, số IMEI2: 861990069369536/00; bên trong có lắp 02 sim Viettel mang số thuê bao: 0961.308.545 và 0345.992.957; 01 (một) biển số 20B1- 803.57; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 027560, do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/5/2016 thu giữ của bị cáo Lương Văn M. (2) 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; số khung: C630BY490130; số hiệu máy: 5C63490181 (xe không lắp biển số) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro, màu ghi, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 353829104327841, số IMEI2: 353829104298984, bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0372.426.090; 01 (một) biển số 12S1- 9280; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 000612, do Công an huyện L cấp ngày 29/6/2011 thu giữ của bị cáo Đinh Văn T. (3) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 15 Plus, màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 358675847992267, số IMEI2: 358675849072985; bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0358.765.837 thu giữ của bị cáo Vi Văn T. (4) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A74, màu đen, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 866686055124456, số IMEI2: 866686055124449; bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0983.714.697 thu giữ của bị cáo Lèo Văn T. (5) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, màu xám, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 353465102539846/01, số IMEI2 353466102539844/01; bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0367.197.185 thu giữ của bị cáo Lường Thị T. (6) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y04, màu phấn hồng, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 861817076041727; số IMEI2: 861817076041735; bên trong lắp 02 sim Viettel mang số thuê bao 0358.106.543 và 0379.709.609 thu giữ của bị cáo Nông Văn C. (7) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max, màu xám, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI: 35987197656803, số IMEI2: 359871976657123; bên trong lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0986.688.340 thu giữ của bị cáo Đinh Văn H. (8) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max, màu xanh, ghi, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI: 354876500720789, số IMEI2: 354876500527895, bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0342.879.882 thu giữ của bị cáo Lý Văn L.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lịch Thị D 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA; số khung: RLHJA3939RY688935; số máy: JA70E0611622 (xe không lắp biển số) và 01 (một) biển số 12LA- 083.14; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 12004473 do Công an huyện L cấp ngày 07/11/2024.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị miễn án phí cho tất cả các

bị cáo vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

Những người bào chữa cho các bị cáo Lèo Văn T, Đinh Văn T, Lương Văn M, Lý Văn L nhất trí với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lạng Sơn về tội danh, áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về động cơ, mục đích phạm tội là do bản chất các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp ổn định; các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đồng thời hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, chưa gây ra hậu quả cho xã hội, chưa nhận được tiền công, các bị cáo Lèo Văn T, Lương Văn M, Lý Văn L đang nuôi dưỡng, chăm sóc con nhỏ chưa thành niên và bố mẹ đã cao tuổi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và xử phạt các bị cáo mức án dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn, bằng với thời hạn tạm giam, trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đối đáp tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lạng Sơn đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như hoàn cảnh gia đình, động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo. Thấy rằng, hậu quả của tội phạm chưa xảy ra là do lực lượng chức năng kịp thời ngăn chặn không phải do các bị cáo tự ý chấm dứt, không thực hiện đến cùng hành vi phạm tội, do vậy sự kiện này không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lạng Sơn không nhất trí với ý kiến tranh luận của những người bào chữa, giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người chứng kiến nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Việc vắng mặt của người tham gia tố tụng nêu trên không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản sự việc, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Ngày 06/02/2026, tại Thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Lương Thị T, Lèo Văn T, Đinh Văn T, Nông Văn C, Lương Văn M, Lý Văn L, Vi Văn T và Đinh Văn H đã cùng nhau vận chuyển trái phép hàng hóa xúc xích không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, không khai báo lực lượng chức năng, từ Trung Quốc qua biên giới vào lãnh thổ Việt Nam, số lượng hàng hóa vi phạm có giá trị 102.625.600 đồng (một trăm linh hai triệu sáu trăm hai mươi năm nghìn sáu trăm đồng) để hưởng lợi. Với hành vi trên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lương Thị T, Lèo Văn T, Đinh Văn T, Nông Văn C, Lương Văn M, Lý Văn L, Vi Văn T và Đinh Văn H về tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới theo quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Các bị cáo nhận thức được hành vi Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới (mặt hàng xúc xích) không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không qua trình tự, thủ tục xuất nhập khẩu theo quy định là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, đồng thời tiềm ẩn nguy hại cho sức khoẻ cộng đồng, an toàn an ninh trật tự tại khu vực biên giới nhưng vẫn thực hiện nhằm mục đích vụ lợi cho bản thân. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm minh đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Lương Thị T có ông nội là Liệt sỹ Lương Văn C hy sinh tại chiến trường Lào, được tặng Huân chương chiến công giải phóng, Huân chương kháng chiến hạng ba, người thân trong gia đình là ông Lương Riệm Văn được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Lèo Văn T có bố vợ là ông Hoàng Văn L được thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, có 03 con nhỏ chưa thành niên; bị cáo Nông Văn C có 03 con nhỏ dưới 15 tuổi; bị cáo Đinh Văn T có bố là ông Đinh Văn T được Hội cựu chiến binh tặng Kỷ niệm chương, danh hiệu “Trọng nghĩa nước non, vẹn tình đồng đội” được Chủ tịch UBND xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn tặng giấy khen; bị cáo Lương Văn M có bố là ông Lương Văn N tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc được hưởng trợ cấp 01 lần, có ông là Đinh Văn L được thưởng Huân

chương kháng chiến hạn ba nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Trước lần phạm tội này, các bị cáo Lương Thị T, Lèo Văn T, Đinh Văn T, Nông Văn C, Lương Văn M, Lý Văn L và Đinh Văn H chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, là người có nhân thân tốt. Bị cáo Vi Văn T từng bị xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội Chứa mại dâm tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 114/2021/HSST ngày 20/7/2021 của Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh (đã được xoá án tích), ngày 02/01/2019 bị Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt cảnh cáo về hành vi Vận chuyển pháo nổ (đã được xoá vi phạm), là người có nhân thân không tốt.

[7] Về hình phạt chính: Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không có sự tổ chức và cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo. Trong đó, bị cáo Lương Thị T có vai trò tích cực nhất, là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Lèo Văn T thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp liên lạc, trao đổi về việc vận chuyển hàng hoá trái phép qua biên giới với người Trung Quốc và cảnh giới cho các bị cáo khác thực hiện hành vi vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới. Bị cáo Lèo Văn T có vai trò thấp hơn bị cáo Lương Thị T nhưng rất tích cực thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác, lập nhóm zalo để cùng thực hiện hành vi phạm tội, liên lạc với người Trung Quốc để vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, trực tiếp cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, sử dụng nhà ở của gia đình bị cáo để chứa chấp hàng hoá. Do đó, các bị cáo Lương Thị T và Lèo Văn T phải chịu mức hình phạt tương xứng với vai trò, tính chất của hành vi phạm tội. Các bị cáo Đinh Văn T, Nông Văn C, Lương Văn M, Lý Văn L và Đinh Văn H, Vi Văn T là những người trực tiếp thực hiện hành vi vận chuyển trái phép hàng hoá từ mốc biên giới về nhà bị cáo Lèo Văn T để cất giấu, có vai trò thấp hơn các bị cáo Lương Thị T, Lèo Văn T nên phải chịu mức hình phạt thấp hơn các bị cáo này. Tuy nhiên, xét thấy tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, một số bị cáo có con nhỏ, cha mẹ cao tuổi cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của các bị cáo, có người thân trong gia đình có công với cách mạng... nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt, cho cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 77 (bảy mươi bảy) bao tải, mỗi bao bên trong có 01 (một) thùng xúc xích, mỗi thùng có 20 (hai mươi) gói xúc xích dạng đông lạnh in chữ Trung Quốc trên bao bì, mỗi gói có khối lượng tịnh 700g (bảy trăm gam)/gói, có tổng khối lượng 1.078kg (một nghìn không trăm bảy mươi tám kilogam), cơ quan điều tra đã tịch thu, tiêu huỷ là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; số khung: C6KOGY280725, số hiệu máy: 5C6K280724 (xe không lắp biển số) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI Note 12, màu nâu, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI: 8619900693699528/00, số IMEI2: 861990069369536/00; bên trong có lắp 02 sim Viettel mang số thuê bao: 0961.308.545 và 0345.992.957; 01 (một) biển số 20B1- 803.57; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 027560, do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/5/2016 thu giữ của bị cáo Lương Văn M. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; số khung: C630BY490130; số hiệu máy: 5C63490181 (xe không lắp biển số) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro, màu ghi, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 353829104327841, số IMEI2: 353829104298984, bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0372.426.090; 01 (một) biển số 12S1- 9280; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 000612, do Công an huyện L cấp ngày 29/6/2011 thu giữ của bị cáo Đinh Văn T. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 15 Plus, màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 358675847992267, số IMEI2: 358675849072985; bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0358.765.837 thu giữ của bị cáo Vi Văn T. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A74, màu đen, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 866686055124456, số IMEI2: 866686055124449; bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0983.714.697 thu giữ của bị cáo Lèo Văn T. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, màu xám, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 353465102539846/01, số IMEI2 353466102539844/01; bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0367.197.185 thu giữ của bị cáo Lương Thị T. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y04, màu phấn hồng, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 861817076041727; số IMEI2: 861817076041735; bên trong lắp 02 sim viettel mang số thuê bao 0358.106.543 và 0379.709.609 thu giữ của bị cáo Nông Văn C. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max, màu xám, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI: 35987197656803, số IMEI2: 359871976657123; bên trong lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0986.688.340 thu giữ của bị cáo Đinh Văn H. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max, màu xanh, ghi, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI: 354876500720789, số IMEI2: 354876500527895, bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0342.879.882 thu giữ của bị cáo Lý Văn L; là phương tiện, công cụ phạm tội cần tịch thu, hoá giá sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trường hợp những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị N, chị Hoàng Thị M có tranh chấp với các bị cáo Lương Văn M, Đinh Văn T về chiếc những xe mô tô này thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác tại Toà án có thẩm

quyền. Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA; số khung: RLHJA3939RY688935; số máy: JA70E0611622 (xe không lắp biển số) và 01 (một) biển số 12LA- 083.14; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 12004473 do Công an huyện Lấp Lấp ngày 07/11/2024 là tài sản hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lịch Thị D nên cần trả lại theo quy định tại quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Đối với người đàn ông Trung Quốc thuê Lương Thị T vận chuyển và người đàn ông Trung Quốc có tài khoản Wechat “Y” vận chuyển hàng đến khu vực biên giới từ phía Trung Quốc, do điều kiện lãnh thổ và các bị cáo không biết thông tin, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xác minh làm rõ, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với những hành vi vận chuyển hàng hóa trước đó của các bị cáo, do không xác định được chủng loại, số lượng, giá trị hàng hóa nên không có căn cứ xử lý, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Các bị cáo Lương Thị T, Lèo Văn T, Lương Văn M, Đinh Văn H, Đinh Văn T, Vi Văn T, Lý Văn L và Nông Văn C là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn và đề nghị của những người bào chữa, đề nghị nào có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[14] Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 293, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lương Thị T, Lèo Văn T, Lương Văn M, Đinh Văn H, Đinh Văn T, Vi Văn T, Lý Văn L và Nông Văn C phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lương Thị T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 08/02/2026.

Xử phạt bị cáo Lèo Văn T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 06/02/2026.

Xử phạt các bị cáo Lương Văn M, Đinh Văn H, Đinh Văn T, Vi Văn T, Lý Văn L và Nông Văn C mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 07/02/2026.

3. Xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; số khung: C6KOGY280725, số hiệu máy: 5C6K280724 (xe không lắp biển số) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI Note 12, màu nâu, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI: 8619900693699528/00, số IMEI2: 861990069369536/00; bên trong có lắp 02 sim Viettel mang số thuê bao: 0961.308.545 và 0345.992.957; 01 (một) biển số 20B1-803.57; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 027560, do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/5/2016 thu giữ của bị cáo Lương Văn M.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; số khung: C630BY490130; số hiệu máy: 5C63490181 (xe không lắp biển số) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro, màu ghi, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 353829104327841, số IMEI2: 353829104298984, bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0372.426.090; 01 (một) biển số 12S1- 9280; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 000612, do Công an huyện Lấp Lấp cấp ngày 29/6/2011 thu giữ của bị cáo Đinh Văn T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 15 Plus, màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 358675847992267, số IMEI2: 358675849072985; bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0358.765.837 thu giữ của bị cáo Vi Văn T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A74, màu đen, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 866686055124456, số IMEI2: 866686055124449; bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0983.714.697 thu giữ của bị cáo Lèo Văn T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, màu xám, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 353465102539846/01, số IMEI2

353466102539844/01; bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0367.197.185 thu giữ của bị cáo Lương Thị T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y04, màu phấn hồng, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 861817076041727; số IMEI2: 861817076041735; bên trong lắp 02 sim Viettel mang số thuê bao 0358.106.543 và 0379.709.609 thu giữ của bị cáo Nông Văn C.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max, màu xám, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI: 35987197656803, số IMEI2: 359871976657123; bên trong lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0986.688.340 thu giữ của bị cáo Đinh Văn H.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max, màu xanh, ghi, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI: 354876500720789, số IMEI2: 354876500527895, bên trong có lắp 01 sim Viettel mang số thuê bao 0342.879.882 thu giữ của bị cáo Lý Văn L.

3.2. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lịch Thị D 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA; số khung: RLHJA3939RY688935; số máy: JA70E0611622 (xe không lắp biển số) và 01 (một) biển số 12LA- 083.14; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 12004473 do Công an huyện Lấp ngày 07/11/2024.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 04/6/2026).

4. Án phí:

Các bị cáo Lương Thị T, Lèo Văn T, Lương Văn M, Đinh Văn H, Đinh Văn T, Vi Văn T, Lý Văn L và Nông Văn C được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5- Lạng Sơn
- Phòng PV06, PC10, PC02 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phân trại tạm giam L - Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang